

Số: 536 /BC-UBND

Bắc Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Thực hiện bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình.**

Thực hiện Thông báo số 678/TB-STNMT ngày 01/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, đánh giá tiêu chí môi trường đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; Công văn số 2993/STNMT-CCBVMT ngày 9/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm; Công văn số 2504/STNMT-CCBVMT ngày 21/06/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận về việc hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020;

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình báo cáo với nội dung sau đây:

#### **I. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai bảo vệ môi trường trong xây dựng Nông thôn mới:**

- Kế hoạch số 146-KH/HU ngày 31/01/2018 của Huyện ủy Bắc Bình kiểm tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình V/v tổ chức triển khai thực hiện tổng vệ sinh môi trường phục vụ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v bảo vệ môi trường năm 2019 trên địa bàn huyện Bắc Bình;

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2019;

- Văn bản số 1990/UBND-SX ngày 23 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 trên địa bàn huyện Bắc Bình;

- Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 phân khai kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019;

#### **II. Tổng quan về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của xã Hải Ninh:**

##### **1. Điều kiện tự nhiên**

Hải Ninh là một xã miền núi, gồm các dân tộc: Hoa, Kinh, Tày, Nùng... cách quốc lộ 1A 3,5 km về phía Bắc của huyện Bắc Bình, có diện tích tự nhiên 4.615,00 ha với 10.074 khẩu sống tập trung trong khu dân cư, được hình thành 3 thôn: Hải Xuân, Hải Lạc, Hải Thủy.

Xã Hải Ninh có vị trí:

- Phía Đông giáp : xã Phan Hiệp.
- Phía Tây giáp : xã Phan Thanh, xã Sông Bình.
- Phía Nam giáp : Thị trấn Chợ Lầu.
- Phía Bắc giáp : xã Bình An và xã Phan Điền.

Xã Hải Ninh thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít mưa, ít bão lớn, cường độ ánh sáng mạnh, khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Gió: Gồm hai mùa: Từ tháng 5 đến tháng 9 là gió Tây Nam, vận tốc trung bình 2,4m/s, từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau là gió Đông Bắc, vận tốc trung bình 4,7 m/s.

Xã Hải Ninh có địa hình tương đối bằng phẳng, dốc ít từ Tây sang Đông và Tây Bắc xuống Đông Nam. Với đặc điểm trên tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng các hệ thống kênh mương...

## **2. Kinh tế - xã hội**

### **2.1. Tình hình phát triển kinh tế**

#### **2.1.1. Về lĩnh vực nông nghiệp**

Phát triển ổn định, từng bước chuyển biến về chất trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện vùng sản xuất lúa ổn định từ 1.800 ha – 2.220 ha với diện tích gieo trồng hàng năm từ 3.100 ha - 3.500 ha; sản lượng lương thực hàng năm đều vượt kế hoạch. Một số cây trồng đang có lợi thế và hiệu quả kinh tế được đầu tư mở rộng diện tích sản xuất như: Cây thanh long đến năm 2014 : 370 ha, tăng 183 ha so với năm 2010. Cây bắp, cây mè, đậu các loại, cây hàng năm được ổn định. Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp nhất là đối với cây lúa được đẩy mạnh từ khâu làm đất đến thu hoạch, hiện nay hơn 95 % diện tích lúa được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp góp phần làm giảm thất thoát và chủ động hơn trong chỉ đạo sản xuất mùa vụ trong năm.

Chăn nuôi phát triển tương đối ổn định, đàn bò năm 2014 là 4.500 con, chủ yếu là nâng cao chất lượng tổng đàn. Đàn heo năm 2014 là 4.200 con. Một số vật nuôi mới như heo rừng lai đang có xu hướng phát triển tốt mang hiệu quả kinh tế cao.

#### **2.1.2. Về lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: 5 năm qua cơ bản được duy trì phát triển ổn định và từng bước chuyển dịch cơ cấu nội bộ theo định hướng phát triển đối với một số ngành như : Chế biến nông sản, cơ khí, dịch vụ sửa chữa phục vụ nông nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành nghề truyền thống như: rượu gạo, bánh phở.

Mạng lưới điện phủ kín địa bàn dân cư và mở rộng lưới điện sản xuất (Chủ yếu cây thanh long) đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu sinh hoạt tiêu dùng và phục vụ sản xuất, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra hơn 96 % số hộ gia đình có điện thấp sáng.

#### **2.1.3. Về lĩnh vực thương mại dịch vụ**

Các hoạt động thương mại luôn diễn ra khá sôi động, số lượng và chất lượng hàng hóa phong phú, đa dạng. Mạng lưới kinh doanh được mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Chợ trung tâm được mở rộng và bố trí sắp xếp cơ bản ổn định theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu nhân dân.

Tình hình phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn có bước tiến bộ đáng kể. Hoạt động bưu chính viễn thông phát triển, số thuê bao điện thoại, điện thoại di động đạt mật độ 78 máy/100 dân, vùng phủ sóng di động và mạng điện thoại cố định căn bản bảo đảm trên địa bàn xã. Dịch vụ ADSL và truyền hình cáp cũng được triển khai, đáp ứng nhu cầu cuộc sống ngày càng cao của xã hội. Dịch vụ nông nghiệp, vận tải, du lịch đã đáp ứng khá tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh và đi lại của nhân dân.

## **2.2. Văn hóa – xã hội:**

### **2.2.1. Trên lĩnh vực dân số, lao động và việc làm**

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình: Kết quả thực hiện tỷ lệ giảm sinh hàng năm đạt từ 0,04 đến 0,05 % và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 20,5 % năm 2010

xuống còn 15 % năm 2015, góp phần kiềm chế tốc độ tăng dân số, dân số toàn xã qua điều tra 31/12/2014 là 10.619 khẩu, lao động trong độ tuổi 5.721.

Việc thực hiện chỉ tiêu giải quyết việc làm cho người lao động, thông qua các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, dịch vụ việc làm, vốn vay quỹ quốc gia giải quyết việc làm hàng năm. Qua 5 năm đã giải quyết việc làm cho gần 1.680 lao động, khuyến khích các thành phần kinh tế tăng đầu tư phát triển các ngành nghề sử dụng nhiều lao động đã góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động cũng như có thêm việc làm đối với lao động nông thôn.

### **2.2.2 Trên lĩnh vực giáo dục**

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục đổi mới và ngày càng được xã hội hóa tích cực hơn, mạng lưới trường lớp tiếp tục được đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các bậc học cơ bản đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Nền nếp kỷ cương trong trường học thường xuyên được củng cố ổn định. Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các bậc học được triển khai tích cực. Thông qua việc duy trì nề nếp phong trào “Hai tốt” lồng ghép với cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” của ngành giáo dục thì chất lượng giáo dục được duy trì và từng bước được nâng lên, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng từ 85% trở lên và giữ vững chỉ tiêu tốt nghiệp ở các cấp học. Tỷ lệ huy động học sinh vào các lớp đầu cấp hàng năm đều đạt kế hoạch. Tỷ lệ huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt trên 99 %, tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cấp có giảm qua các năm học. Công tác phổ cập giáo dục được quan tâm chỉ đạo, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở hoàn thành, được công nhận đạt chuẩn và luôn duy trì giữ chuẩn từ năm 2007 cho đến nay.

### **2.2.3. Trên lĩnh vực khoa học - công nghệ**

Triển khai ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống thông qua việc triển khai các chương trình hội thảo, tập huấn thông tin khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Thực hiện các mô hình trình diễn một số cây trồng, vật nuôi, chương trình xã hội hóa giống lúa... đạt hiệu quả kinh tế đáng kể, góp phần nâng trình độ sản xuất của nhà nông, tích cực chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phát triển kinh tế nông nghiệp, cải thiện đời sống nông thôn.

Trên lĩnh vực công nghệ thông tin, đến nay các mạng dịch vụ viễn thông cơ bản phủ sóng khắp địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu đời sống và sự phát triển tiến bộ khoa học - công nghệ. Mạng cáp truyền thông và các phương thức phổ cập tin học trong cộng đồng cũng được phát triển.

### **2.2.4. Trên lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được tăng cường, duy trì thường xuyên việc thực hiện các chương trình y tế quốc gia; bảo đảm công tác phòng ngừa các dịch bệnh; thực hiện tốt giáo dục truyền thông về chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác khám và chữa bệnh được nâng lên, người nghèo được quan tâm hơn trong việc khám chữa bệnh. Từ năm 2010 đến nay đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 1.495 lượt người nghèo. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em đạt kết quả đáng kể, hạ thấp tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 14,87 % năm 2010 xuống còn 7,13 % năm 2014. Trạm y tế đạt và duy trì giữ chuẩn quốc gia về y tế.

### **2.2.5. Trên lĩnh vực chính sách xã hội - xóa đói giảm nghèo**

Việc thực hiện các chương trình mục tiêu an sinh xã hội, trợ giúp người nghèo, hộ nghèo và chính sách ưu đãi xã hội đã được xã hội hóa và luôn được tăng cường phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

Công tác xóa đói giảm nghèo được tập trung đẩy mạnh, bình quân hàng năm giảm 04 hộ. Năm 2010 số hộ nghèo toàn xã là 25 hộ chiếm 1,2% tổng số hộ và năm 2014 số hộ nghèo là 10 hộ chiếm 0,6 %. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và người nghèo được phát động rộng khắp và huy động xã hội tham gia tích cực. Chỉ tiêu vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” và “Quỹ vì người nghèo” hàng năm đều đạt và vượt. Kết quả thực hiện mục tiêu hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo và cận nghèo từ năm 2010 đến cuối năm 2014 được 10 căn nhà với tổng kinh phí 165.000.000 đồng. Việc thực hiện chính sách xã hội đối với người có công được quan tâm, chăm lo đời sống và giải quyết tốt các chế độ chính sách có liên quan bảo đảm đầy đủ.

### 2.2.6. Trên lĩnh vực văn hóa - thông tin

Sự nghiệp văn hóa - thông tin thể thao tiếp tục được giữ vững góp phần đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân. Phong trào văn hóa - văn nghệ được tổ chức thường xuyên hơn, duy trì tổ chức các đợt liên hoan, hội thi, các lễ hội văn hóa - thể thao. Công tác thông tin tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị địa phương phục vụ các ngày lễ kỷ niệm lịch sử. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được quan tâm chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” tiếp tục được mở rộng và từng bước nâng chất lượng, góp phần tác động tích cực trong đời sống, gia đình và xã hội tạo thêm gắn bó tình làng nghĩa xóm tương trợ giúp nhau cùng tiến bộ. Kết quả triển khai đăng ký xây dựng gia đình văn hóa hàng năm đạt trên 85 % so với hộ đăng ký.

## II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong tiêu chí môi trường:

### 1. Chỉ tiêu về tỷ lệ sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường (17.2)

#### 1.1 Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt 23/23 cơ sở đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%, các cơ sở sản xuất kinh doanh đều thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

Bảng 1. Bảng thông tin tổng hợp

Xã	Tổng số cơ sở SXKDDV đang hoạt động thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường	Số cơ sở đã có ĐTM hoặc Đề án BVMT chi tiết hoặc Đề án BVMT đơn giản	Số cơ sở đã có KHBVMT hoặc hồ sơ môi trường tương đương	Số cơ sở đã có Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường	Số cơ sở đã đi vào hoạt động nhưng chưa lập hồ sơ môi trường
Hải Ninh	23	6 (ĐABVMT đơn giản)	17		

Bảng 2. Bảng danh sách cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã

STT	Tên cơ sở, doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Quy mô/ công suất hoạt động	Số, ngày cấp hồ sơ về môi trường	Ghi chú loại hồ sơ môi trường
1	Ban QLDA Huyện Bắc Bình	Dự án đường vào khu sản xuất Cà Giây		442/GXN – UBND ngày 25/06/2007	Cam kết bảo vệ môi trường
2	Trần Văn Bình	Kinh doanh phân bón và thuốc BVTV(Hải Ninh)		34/GXN – UBND ngày 08/01/2010	
3	La Hoàng Phúc	Dự án làm bún và sản		1056/GXN – UBND ngày	

		xuất thùng nhựa tại Hải Ninh		12/07/2010	
4	Vũ Thị Hoàng Ly	Dự án kinh doanh phân bón và thuốc BVTV tại HNinh		1187/GXN – UBND ngày 28/07/2010	
5	Phạm Hữu Thủ (BQLDA cạnh tranh nông nghiệp tỉnh BT)	Nâng cấp đường đồng Ma Ó – Ma Ní		86/TB – UBND ngày 03/04/2012	
6	Đào Văn Tiến	Phân bón và thuốc BVTV, Hải Ninh		177/TB – UBND ngày 13/08/2013	
7	DNTN xay xát Thuận Phát	Xay xát gạo tại cụm công nghiệp Hải Ninh.		18/TB – UBND ngày 21/01/2014	
8	Cty TNHH Ba Cao	Xay xát gạo tại cụm công nghiệp Hải Ninh.		20/TB – UBND ngày 21/01/2014	
9	Cty TNHH xay xát Vinh Vinh	Xay xát gạo tại cụm công nghiệp Hải Ninh.		21/TB – UBND ngày 21/01/2014	
10	Trần Ngọc Linh	cải tạo nhánh 476.2DIF, 476.2DIFE....Hải Ninh, B/an		148/TB – UBND ngày 03/7/2014	
11	Giang Sĩ Lợi	cửa hàng xăng dầu Sông Mao		2011/GXN – UBND ngày 27/11/2014	Đề án BVMT đơn giản
12	Nguyễn Minh Tiến (Ct TNHH...Phú Thịnh)	Đầu tư kinh doanh Chợ Hải Ninh		519/GXN - UBND ngày 15/4/2016	Kế hoạch BVMT
13	Nguyễn Xuân Huynh	Kinh doanh phân bón và thuốc BVTV, Hải Ninh		522/GXN - UBND ngày 15/4/2016	
14	Lâm Thị Mỹ Dung	Nuôi chim yến tại Hải Thủy, Hải Ninh		191/GXN - UBND ngày 28/01/2019	
15	Nguyễn Mậu Hào	Khu tái định cư thôn Hải Thủy, xã Hải Ninh		816/GXN - UBND ngày 06/05/2019	
16	Trần Thị Minh Huyền	Thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh	“	08/GXN – TNMT ngày 23/12/2009	Đề án BVMT do Phòng TNMT xác nhận
17	Trần Thị Cúc	Thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh	“	09/GXN – TNMT ngày 23/12/2009	
18	Nguyễn Thanh	Thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh	“	11/GXN – TNMT ngày 23/12/2009	
19	Vũ Công Hồng	Thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh	“	17/GXN – TNMT ngày 24/12/2009	
20	Nguyễn Ngọc Tân	Thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh	Kinh doanh, xử lý nước mặt phục vụ nước sinh hoạt nhân dân	27/GXN – TNMT ngày 25/12/2009	
21	Nhà máy nước đá Sông Mao (Chủ cơ sở: Nông Văn Sáng)	HTX Hải Xuân- Hải Ninh		06-27/01/1995	Hồ sơ môi trường được Chi cục BVMT bàn giao lại địa phương quản lý
22	Nhà máy xay xát Lễ Lường (Chủ cơ sở: Lâu Giếng Lường)	Hải Ninh		23-16/11/1998	
23	Nhà máy xay xát Hằng Sanh (Chủ cơ sở: Lâu Giếng Lường)	Hải Thủy- Hải Ninh		17-03/9/1998	

Tất cả các cơ sở nêu trên đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định và thực hiện quản lý chủ nguồn chất thải nguy hại (nếu có) đúng theo Thông tư 36/2015/TT-BVMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Trên địa bàn xã không có làng nghề mà chỉ có các cơ sở, dịch vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

1.2.Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện và chất lượng đạt tiêu chí này.

**a. Thuận lợi:**

- UBND xã Hải Ninh thường xuyên phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác tuyên truyền và kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh, luôn phối hợp trong các đợt kiểm tra và chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

**b. Khó Khăn:** việc thanh kiểm tra các cơ sở này của xã chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường theo quy định phân công, phân cấp do cán bộ làm kiêm nhiệm lĩnh vực môi trường.

## **2. Chỉ tiêu về xây dựng cảnh quan, môi trường xanh- sạch- đẹp, an toàn (17.3)**

### **2.1. Kết quả thực hiện tiêu chí**

#### **2.1.1. Đối với hệ thống cây xanh**

Hiện trạng địa hình xã Hải Ninh có rừng Phòng hộ Phan Điền, có rừng tự nhiên được bảo tồn từ xưa đến nay gồm các loại cây như: cóc, căm xe, hương... Dọc các tuyến đường nội thôn, nơi công cộng và các đơn vị, trường học....được trồng phủ xanh các loại cây: phượng vĩ, bàng, xanh...

#### **2.1.2. Đối với đường làng, ngõ xóm**

Đây là địa phương có hệ thống đường quy hoạch trong khu dân cư bài bản nhất trên địa bàn huyện.

Toàn xã có 12,236 km đường nội thôn được nhựa hóa, bê tông hoặc trải sỏi. Tại những tuyến chính đều có cống thoát nước, không có đoạn nào bị lầy lội vào mùa mưa.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã lắp đặt 01 cụm pano tuyên truyền về bảo vệ môi trường tại thôn Hải Thủy.

#### **2.1.4. Đối với khu vực công cộng**

- Rác được thu gom chuyên chở đúng nơi quy định 2 lần/ tuần (địa phương hợp đồng với BQL.CTCC huyện trong việc thu gom và vận chuyển rác thải về nơi xử lý đúng theo quy định).

Địa phương tổ chức thu gom rác thải định kỳ theo kế hoạch của huyện hàng năm như: Kế hoạch tổng vệ sinh môi trường phục vụ Tết nguyên Đán, Kế hoạch hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6 và Kế hoạch hưởng ứng làm cho thế giới sạch hơn vào cuối tháng 9 hàng năm....Từ đó môi trường nơi công cộng được thu gom, xử lý rác thải định kỳ thông qua các phong trào hưởng ứng nêu trên.

đến nay diện mạo, cảnh quan môi trường tại địa phương đã thay đổi theo chiều hướng tích cực. Có được kết quả đó là nhờ vào công tác tuyên truyền, vận động toàn dân bảo vệ môi trường hướng đến xây dựng nông thôn mới của các ban, ngành đoàn thể từ cấp huyện đến cấp xã.

## **2.2. Đánh giá thuận lợi, khó khăn chủ yếu trong quá trình triển khai thực hiện và chất lượng đạt tiêu chí này**

**2.2.1. Thuận lợi:** Được sự quan tâm của huyện, trực tiếp là Phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác kiểm tra về bảo vệ môi trường tại địa phương cũng như việc hỗ trợ kinh phí trong xử lý rác thải còn tồn đọng trên địa bàn xã.

Sự thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền địa phương và việc thực hiện đồng bộ của các tổ chức chính trị xã hội của xã và sự đồng thuận của người dân trong xã.

**2.2.2. Khó khăn:** Một số bộ phận người dân chưa ý thức được ý nghĩa về việc bảo vệ môi trường trong cộng đồng, và việc tuyên truyền pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường đến với người dân chưa được sâu kỹ.

### **3. Chỉ tiêu về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (17.5)**

#### **3.1. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

##### **3.1.1. Tình hình thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn:**

+ Về chất thải rắn: địa phương có tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng thuốc bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Công việc này được Trạm bảo vệ thực vật huyện phối hợp với địa phương triển khai thực hiện.

- Có xe thu gom và chuyên chở rác đến từng nhà thu gom rác sinh hoạt 2 lần/tuần. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định (*kèm theo phương án thu gom rác thải, hợp đồng thu gom rác thải*)

- Người dân tự thu gom bao, bọc thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp và tiêu hủy, không vứt bỏ bừa bãi.

##### **3.1.2. Tình hình thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp**

Hiện nay cây trồng ngắn ngày chủ yếu trên địa bàn xã là cây lúa. Sau khi thu hoạch người dân sử dụng rơm rạ làm thức ăn cho bò, dê hoặc sử dụng ủ âm gốc thanh long. Không có hiện tượng vứt bỏ ngoài đồng hay đốt cháy gây khói, làm ô nhiễm môi trường.

- Chất thải y tế không đáng kể, vì xã chỉ có một trạm y tế nhỏ. Lượng ít rác thải y tế như: bông gạc, ống nhựa xi lanh và kim tiêm, được trạm y tế xử lý tiêu hủy tại chỗ một cách an toàn.

- Chất thải nguy hại được thu gom định kỳ chủ yếu từ Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Sông Mao và cơ sở này đã đăng ký nguồn chất thải nguy hại, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ để quản lý.

- Rác thải sinh hoạt tại địa phương, xã đã ký hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng huyện Bắc Bình, thu gom và chở đi xử lý tại bãi rác của huyện 2 lần/tuần. Không có điểm bố trí tập kết rác thải, người dân bỏ rác vào bao bì đem ra ngoài lề đường, để xe rác đến gom và vận chuyển đi xử lý.

##### **3.1.3. Tình hình thực hiện công tác thu gom, xử lý nước thải**

Trong khu dân cư và trên các tuyến đường ngõ xóm có hệ thống thoát nước thải, nước mưa.

- Có hệ thống tiêu thoát nước mưa phù hợp quy định tại QCCVN 14: 2009/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Thu gom được lượng nước thải phát sinh tại địa phương đạt 100% hộ dân.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh:

Địa phương thường xuyên phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra định kỳ về công tác BVMT đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã quản lý; theo đó hồ sơ môi trường đối với các cơ sở được đảm bảo theo quy định, các cơ sở sản xuất kinh doanh cam kết thực hiện bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã phê duyệt.

3.1.4. Có Hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường hoặc hương ước, quy ước có nội dung về bảo vệ môi trường về khu dân cư:

03/3 thôn của xã đều có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư phù hợp tại địa phương mình (*kèm theo hương ước, quy ước của 03 thôn*)

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đã làm được**

Xã Hải Ninh đã có bước chuyển biến tích cực trong việc tuyên truyền vận động nhân dân cùng chung sức bảo vệ môi trường trong việc xây dựng nông thôn mới; xã đã ký hợp đồng với BQL.CTCC trong việc thu gom rác tại hộ gia đình trên địa bàn xã, bên cạnh đó UBND xã có kế hoạch tổ chức triển khai tổng vệ sinh môi trường thu gom rác thải, khơi thông cống rãnh tại địa phương, đặc biệt là công tác chỉ đạo thu gom xử lý lượng rác thải tồn đọng tại địa phương.

Xã Hải Ninh đã đạt được kết quả nhất định trong xây dựng nông thôn mới về tiêu chí môi trường.

### **2. Tồn tại**

Về cơ bản rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý. Tuy nhiên địa phương cần chú ý, quan tâm hơn nữa trong công tác lãnh chỉ đạo thực hiện giải quyết dứt điểm tình trạng rác sinh hoạt vớt không đúng nơi quy định.

### **3. Nguyên nhân**

Công tác vận động, tuyên truyền chưa được sâu sát, sự phối hợp giữa các ban, ngành đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương chưa chặt chẽ, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế.

### **4. Phương hướng trong thời gian đến:**

Nhằm khắc phục tồn tại nêu trên. UBND huyện Bắc Bình tiếp tục chỉ đạo các ban, ngành đoàn thể hướng về địa phương, giúp đỡ địa phương trong việc tuyên truyền bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới cụ thể như sau:

Giao trách nhiệm Phòng Tài nguyên và Môi trường; Đơn đốc UBMT.TQVN huyện, Hội Phụ Nữ huyện, Hội Nông dân và Huyện đoàn Bắc Bình phối hợp cùng địa phương thực hiện các phong trào về bảo vệ môi trường có sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019 phù hợp tại địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình báo cáo gửi Sở Tài Nguyên và Môi trường biết để phối hợp cùng địa phương xem xét, kiểm tra, đánh giá tiêu chí môi trường đối với xã Hải Ninh trên địa bàn huyện trong thời gian đến./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở TN&MT (b/c);
- TT( HU; HĐND Huyện);
- Chủ tịch, PCT UBND Huyện;
- Phòng: TNMT; NNPTNT;
- UBND xã Hải Ninh;
- Lưu: VT, Huy ( 1 b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Văn Vụ**